

MẤY YẾU TỐ TÂM LÝ XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ HIỆN NAY

*Quốc Chấn**

Đã có nhiều ý kiến chỉ ra nguyên nhân dẫn đến tình trạng tai nạn giao thông đến mức báo động ở nước ta là do ý thức chấp hành luật giao thông của người dân còn yếu; lượng xe cơ giới, nhất là xe máy tới mức quá tải; đường sá còn chật hẹp, chưa tốt... Trên cơ sở nhiều nguyên nhân xác định, những cơ quan hữu quan đã đề ra hàng loạt giải pháp để tăng cường an toàn giao thông như cải tạo, làm thêm đường, cầu vượt, tổ chức thi cấp bằng lái xe; tuyên truyền luật giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và giảng dạy trong các trường học; kiểm tra các phương tiện giao thông cơ giới; xử phạt lái xe chạy nhanh, vượt ẩu, không tuân theo quy định và gần đây bắt buộc người đi xe máy phải đội mũ bảo hiểm trên những đoạn đường nhất định...

Tuy nhiên, trong thực tế lại xảy ra hiện tượng mỗi lần kiểm tra giao thông gắt gao hoặc trên những con đường làm lại đạt tiêu chuẩn tốt thì tai nạn giao thông lại có xu hướng gia tăng hoặc tăng giảm thất thường, không bảo đảm tính bền vững? Đó là do chúng ta chưa chú ý đúng mức đến những yếu tố tâm lý xã hội, một trong các nguyên nhân quan trọng gây nên

tai nạn giao thông ở nước ta.

Như mọi người đều biết, khoảng hơn thập kỷ qua, xã hội ta đang đổi mới, phát triển rất nhanh theo xu hướng kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập khiến cho nhiều khía cạnh tâm lý của người dân cũng phải biến đổi để thích ứng. Song có khá nhiều khía cạnh tâm lý biến đổi chậm, không bắt kịp sự phát triển của xã hội, trong đó lĩnh vực giao thông đường bộ nổi lên hết sức bức xúc, bởi lẽ nó biểu hiện cụ thể ở mọi nơi và liên quan trực tiếp đến tính mạng người dân.

Việc phân tích, xác định thật đúng yếu tố tâm lý nào đã tác động trực tiếp đến tình hình gia tăng tai nạn giao thông hiện nay để tính toán, đề ra các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sao cho thật hữu hiệu, có tính bền vững là hết sức cần thiết.

Đã từ lâu, người dân có thói quen đi lại tự do "kiểu đường làng", muốn đi ngược xuôi, ngang tắt thế nào cũng chẳng ai lên án. Hương ước, lệ làng, luật pháp trước kia không hề đề cập đến vấn đề này, nhưng trong hơn thập kỷ qua, khi số xe cơ giới gia tăng vượt bậc, nhất là xe máy, thì người đi đường, bắt buộc phải tự thay đổi cái thói quen tự do đi lại cố hữu đó. Nguyên nhân chủ yếu là những người

* Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục tỉnh Thanh Hóa.

tham gia giao thông sợ bị tai nạn, chứ chưa phải chủ tâm hình thành cho mình một thói quen giao thông mới. Hiện tượng người đi bộ, đi xe đạp, xe máy ngược chiều, tự ý rẽ qua đường, sắp hàng ngang... còn khá phổ biến. Vì vậy để khắc phục tâm lý lỗi thời này, thì cần thực hiện biện pháp xử phạt cả người đi bộ, đi xe đạp vi phạm luật. Biện pháp này chẳng những góp phần bảo đảm an toàn giao thông mà còn có tác dụng cải tạo thói quen cũ, xây dựng thói quen đi lại văn minh, đúng luật cho mọi người. Một số nước phát triển trong khu vực, mặc dù ít xe máy, đường sá tốt nhưng tai nạn giao thông vẫn xảy ra, là do mật độ ô tô cao hoặc một vài nguyên nhân bất thường. Tai nạn giao thông xảy ra ở nước ta do rất nhiều nguyên nhân, đặc biệt là nguyên nhân tâm lý xã hội. Bởi thế cần tập trung giáo dục cho người dân đồng thời cả về nhận thức, kỹ năng và hành vi đi lại trên đường theo đúng luật giao thông là việc làm rất cần thiết. Nên tiến hành thường xuyên, đồng bộ, kết hợp song song với việc kiểm tra, xử phạt, để nhắc nhở mọi người tập luyện, thì mới mong xây dựng được thói quen mới về giao thông, bắt kịp sự phát triển của xã hội.

Tiếc rằng việc giáo dục luật giao thông lâu nay, mới coi trọng khâu nhận thức, chứ chưa chú ý đúng mức mặt tình cảm, kỹ năng và hành vi. Nhiều nhà trường đã đưa vào chương trình dạy luật giao thông, song sau giờ tan tầm, hoặc đi lại trên đường, số học

sinh, sinh viên các trường đó vẫn vi phạm luật giao thông. Trong số xe máy bị công an thu giữ vì vi phạm luật, số xe của cán bộ công chức nhà nước, là đối tượng hiểu biết luật, chiếm tỷ lệ khá cao!

Biện pháp kiểm tra, xử phạt đúng, không trừ một ai, sẽ có tác dụng hoàn thiện kỹ năng giao thông, đơn đốc việc tập luyện và hình thành tình cảm cần thiết cho mọi người trong việc xây dựng thói quen, ý thức tự giác, tâm lý thoải mái thực hiện luật giao thông. Cũng như đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong sạch, là thói quen văn minh mà một số nước trong khu vực đã xây dựng được cho mỗi người dân, bắt đầu cũng từ biện pháp trên.

Vì trình độ nhận thức, hành động của các tầng lớp nhân dân không đều nhau, nên không thể cùng một lúc hình thành được thói quen chấp hành luật giao thông cho tất cả mọi người. Do đó cần vận dụng quy luật "lan toả" của tâm lý học, nghĩa là tích cực tập trung giáo dục, kiểm tra, xử phạt nặng đối với bộ phận cán bộ, công chức, học sinh PTTH, sinh viên, người lái xe ô tô. Đây là tầng lớp có điều kiện thuận lợi nhất trong việc hình thành thói quen chấp hành luật giao thông. Từ đó sẽ có tác dụng lây lan, tập nhiễm cái mới đối với những tầng lớp nhân dân khác.

Như vậy bất kỳ ai vi phạm luật giao thông đều phải xử phạt, song mức độ có thể khác nhau. Trước mắt cần tập trung hình thành bằng được thói quen chấp hành luật giao thông cho

đối tượng trên, xem đây là biện pháp có khả năng thực hiện được, để vận dụng qui luật tâm lý "lây lan", xây dựng được thói quen cần thiết đó cho toàn xã hội.

Chúng ta đều biết, kinh tế thị trường có tác động biến đổi một số mặt tâm lý của quần chúng, đáng chú ý là tâm lý biết lập kế hoạch làm ăn, sản xuất, kinh doanh... biết dự tính trước mục tiêu, kết quả, không còn tâm lý "gặp đâu hay đấy" như trước kia. Mặt khác đời sống xã hội, sản phẩm hàng hoá luôn đổi mới, nên cũng nảy sinh tâm lý linh hoạt, đối phó, tìm mọi cách xử lý tình huống xảy ra, để đạt được mục đích, chỉ tiêu dự định. Vì thế nếu các biện pháp kiểm tra giao thông không tính đến các yếu tố tâm lý trên, thì nó lại là lực cản, khiến hiệu quả không đạt như mong muốn: ví dụ việc quy định tốc độ tối đa cho xe cơ giới trên quốc lộ 1A hiện nay chẳng hạn. Nhiều xe mới, máy móc tốt, có tốc độ 180-200 km/giờ, chủ xe đã đặt trước chỉ tiêu phải đạt bao nhiêu chuyến trong ngày. Song quy định chung chỉ cho chạy tối đa 45-50 km/giờ, nên đến gần các trạm kiểm soát, người lái xe cho xe chạy thật chậm. Nhưng vừa qua khỏi trạm kiểm tra là họ lập tức tăng tốc, để bảo đảm số chuyến đã định, thường cho xe chạy trên dưới 100 km/giờ và chính đoạn đường này là địa điểm thường xảy ra tai nạn. Vì vậy, nên chăng biện pháp đầu tiên là cần phải tổng kiểm tra tất cả các loại xe ô tô, xác định chất lượng, vận tốc

cho phép, tiêu chuẩn người lái... để định ra tốc độ tối đa, hợp lý, ghi vào giấy phép từng xe. Xe nào chạy quá phải phạt nặng, không nên quy định mang tính chung chung, đồng loạt, gây nên tâm lý đối phó, thiếu tự giác chấp hành của hầu hết lái xe.

Kiểm tra tiêu chuẩn xe cơ giới trước, quy định mức vận hành sẽ có tác dụng tốt hơn trong việc ngăn chặn tai nạn giao thông so với biện pháp kiểm tra sau khi xe đã lưu thông trên đường. Lái xe vi phạm luật giao thông lần đầu tiên có thể do ngẫu nhiên, nên hình thức phạt cần mang tính cảnh báo, nhắc nhở, uốn nắn chú ý luyện tập để hình thành thói quen. Nhưng nếu tiếp tục vi phạm cần phải phạt nặng hơn nhiều, thì mới tạo ra được ý thức, tình cảm thực hiện đúng luật. Bởi thế biện pháp theo dõi quá trình chấp hành luật giao thông của lái xe phải được đặt ra, bằng cách trong giấy phép có thể chia ra từng ô, theo tiêu chuẩn quy định chấp hành luật cụ thể bắt buộc đối với lái xe. Mỗi lần vi phạm, tùy từng loại lỗi cắt đi một hoặc hai ô sẽ có tác dụng kiểm tra, theo dõi liên tục quá trình tập luyện, để hình thành kỹ năng, thói quen điều khiển xe đúng luật, đồng thời tránh được tình trạng đối phó, xem thường, chạy chọt... lặp lại vi phạm và tất yếu sẽ dẫn tới tai nạn giao thông sau đó.

Ý thức, thói quen chấp hành luật giao thông chỉ được hình thành trong điều kiện các biện pháp hướng dẫn, kiểm tra được thực hiện liên tục và

qua một thời gian nhất định. Vì thế không nên lặp lại hiện tượng khi phát động thì rầm rộ, kiên quyết, nhưng sau lại bỏ bẵng, dẫn đến tình trạng một số trường hợp ý thức, thói quen chấp hành luật giao thông bắt đầu được hình thành, hoặc chưa thật vững chắc, đã nhanh chóng mất đi. Ví dụ đèn báo hiệu ở một số nơi khi có, khi không; việc kiểm tra giao thông dọc đường khi thực hiện, khi không; người đi bộ, đi xe đạp vi phạm khi xử phạt, khi bỏ qua... Không nên để ra thời gian kiểm tra giao thông "một tháng, một tuần", với nhiều biện pháp kiểm tra, xử phạt dồn dập gây nên tâm lý căng thẳng cho những người lái xe và toàn xã hội. Tốt hơn nên duy trì những biện pháp trên liên tục, thường xuyên thì mới có thể sẽ làm biến đổi tâm lý giao thông kiểu "đường làng" đã tồn tại từ lâu nay và hình thành trong người dân thói quen thực hiện các quy định về giao thông một cách tự giác, thoải mái.

Việc xử phạt người vi phạm luật giao thông phải bảo đảm công bằng, không bỏ sót một trường hợp nào, bởi lẽ nó sẽ gây nên một dư luận, một tác động coi thường việc chấp hành luật lan sang nhiều người. Tuy nhiên, nếu chịu khó quan sát hàng ngày, ở nhiều địa phương vẫn thấy không ít hiện tượng cố tình vi phạm luật giao thông. Song công an không thể xử phạt, chẳng hạn một thanh niên đi xe máy vượt đèn đỏ với tốc độ cao, thậm chí còn làm người đi đúng luật bị hất ngã, nhưng đã tẩu thoát

được. Trên các trục đường quốc lộ, nơi không có trạm kiểm tra giao thông, xe cơ giới thường chạy với tốc độ rất cao, thậm chí không ít trường hợp xe tải vượt trước xe con, lấn hết cả mép đường hai bên... Song không thể đặt các trạm kiểm soát dày đặc dọc đường, cũng như đòi hỏi lực lượng cảnh sát giao thông phát hiện được mọi trường hợp vi phạm. Do đó, đã đến lúc phải sử dụng các công cụ hiện đại, để hỗ trợ cho cảnh sát giao thông như các loại camera đa chức năng thì mới có thể kiểm tra thường xuyên, liên tục, xử phạt công bằng, không bỏ sót, hạn chế tối đa hiện tượng xin xỏ, chạy vạy, thậm chí hối lộ như hiện nay và nhờ thế tai nạn giao thông mới ngày càng giảm!

Cuối cùng cũng cần lưu ý đến quy luật "quán tính" trong tâm lý học. Nghĩa là khi đã tìm được và thực thi những biện pháp thật đúng đắn, hợp lý, nhằm tăng cường an toàn giao thông, thì ngay sau đó tai nạn giao thông chưa giảm ngay, ngược lại còn gia tăng. Bởi vì người tham gia giao thông chưa thích ứng với việc thay đổi tâm lý, hành vi, thói quen, khiến động tác điều khiển xe bỡ ngỡ, kém chính xác và bị thói quen cũ kéo lùi lại (quán tính). Do vậy, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan thực hiện chưa vội đăng tin, hoặc chùn bước, huỷ bỏ biện pháp đúng đắn mới triển khai, mà cần giải thích, duy trì, để rồi sẽ có kết quả cụ thể, chắc chắn, bền vững trong thời gian sau đó.

CON NGƯỜI VIỆT NAM - TRÍ TUỆ VIỆT NAM TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

(Nhân đọc lại Nghị quyết Trung ương V- khóa VIII)

Hồ Sĩ Vịnh*

1. Một số quan niệm về con người

Mỗi một thời đại đều có quan điểm khác nhau về con người. Thời cổ đại Hy Lạp, con người được coi là "châu báu" của vũ trụ, "thước đo của vạn vật". Thời đại Phục Hưng sản sinh ra những tài năng bách khoa, những con người khổng lồ về nhiệt tình, về lòng say mê, khổng lồ về tư tưởng, sâu sắc về trí tuệ. Nhiều tác phẩm văn nghệ đã đả kích nhân sinh quan Trung cổ, vốn đề cao thần quyền, áp đặt chính sách ngu dân, cuồng tín, lối giáo dục kinh viện. Mặt khác, văn nghệ Phục Hưng cũng ca ngợi con người trần thế, coi con người là trung tâm của vũ trụ. Những thế kỷ tiếp theo con người và quyền con người được ghi chính thức trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Hoa Kỳ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp (1789). Ở thế kỷ XVIII, thế kỷ ánh sáng, R.Rousseau quan tâm đến quyền cơ bản của con người, rõ nhất là trong *Khế ước xã hội* (1762). Các khuynh hướng triết học tư sản trong các thế kỷ XIX, XX đều lấy con người làm đối tượng khảo sát. Ngoài một số ưu điểm, họ có một thiếu hụt lớn là coi Con người di chuyển ngoài lịch sử.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác về con người được cất nghĩa một cách duy vật, có tính đến nhiều mặt ở con người: *cái xã hội và cái cá nhân; cái lịch sử và*

cái cá tính, cái truyền thống và cái hiện đại...

Do định hướng đi vào triết học xã hội, chú trọng lợi ích của người lao động trong đấu tranh giai cấp, giải phóng giai cấp công nhân nên chủ nghĩa Mác chưa đi vào bề sâu của những vấn đề cá nhân, cá tính con người.

Triết học phương Đông, trong đó có Việt Nam coi con người là một trong ba ngôi (tam tài): Thiên, Địa, Nhân của vũ trụ bao la. Tiếp thu quan niệm *hay, đẹp* của mỹ học cổ truyền, nhà nước Việt Nam coi con người là động lực lịch sử, là trung tâm của phát triển, là "vốn quý nhất" của xã hội (cá biệt có những khẩu hiệu cực đoan "trí, phú địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ" hoặc hành động sai lầm là do quan niệm ấu trĩ trong sách lược; chưa có những tiền đề lịch sử để giải phóng cá nhân...).

Con người chủ yếu của giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám là người lao động bị áp bức, người bình dân, yêu nước, có tinh thần dân tộc.

Con người trong hai cuộc kháng chiến là con người Công-Nông-Binh và trí thức, là lực lượng và động lực của cách mạng dân tộc, dân chủ.

Trong giai đoạn xây dựng CNXH, có con người XHCN. Những khẩu hiệu chiến lược phát triển con người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra không chỉ có ý nghĩa thực tiễn, tính nhân văn mà còn mang ý nghĩa triết lý sâu sắc trong

* Viện sĩ., Tạp chí Văn hiến.

CON NGƯỜI VIỆT NAM - TRÍ TUỆ VIỆT NAM

TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

(Nhân đọc lại Nghị quyết Trung ương V- khóa VIII)

Hồ Sĩ Vịnh*

1. Một số quan niệm về con người

Mỗi một thời đại đều có quan điểm khác nhau về con người. Thời cổ đại Hy Lạp, con người được coi là "châu báu" của vũ trụ, "thước đo của vạn vật". Thời đại Phục Hưng sản sinh ra những tài năng bách khoa, những con người khổng lồ về nhiệt tình, về lòng say mê, khổng lồ về tư tưởng, sâu sắc về trí tuệ. Nhiều tác phẩm văn nghệ đã đả kích nhân sinh quan Trung cổ, vốn đề cao thần quyền, áp đặt chính sách ngu dân, cuồng tín, lối giáo dục kinh viện. Mặt khác, văn nghệ Phục Hưng cũng ca ngợi con người trần thế, coi con người là trung tâm của vũ trụ. Những thế kỷ tiếp theo con người và quyền con người được ghi chính thức trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Hoa Kỳ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp (1789). Ở thế kỷ XVIII, thế kỷ ánh sáng, R.Rousseau quan tâm đến quyền cơ bản của con người, rõ nhất là trong *Khế ước xã hội* (1762). Các khuynh hướng triết học tư sản trong các thế kỷ XIX, XX đều lấy con người làm đối tượng khảo sát. Ngoài một số ưu điểm, họ có một thiếu hụt lớn là coi Con người di chuyển ngoài lịch sử.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác về con người được cất nghĩa một cách duy vật, có tính đến nhiều mặt ở con người: *cái xã hội và cái cá nhân; cái lịch sử và*

cái cá tính, cái truyền thống và cái hiện đại...

Do định hướng đi vào triết học xã hội, chú trọng lợi ích của người lao động trong đấu tranh giai cấp, giải phóng giai cấp công nhân nên chủ nghĩa Mác chưa đi vào bề sâu của những vấn đề cá nhân, cá tính con người.

Triết học phương Đông, trong đó có Việt Nam coi con người là một trong ba ngôi (tam tài): Thiên, Địa, Nhân của vũ trụ bao la. Tiếp thu quan niệm *hay, đẹp* của mỹ học cổ truyền, nhà nước Việt Nam coi con người là động lực lịch sử, là trung tâm của phát triển, là "vốn quý nhất" của xã hội (cá biệt có những khẩu hiệu cực đoan "trí, phú địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ" hoặc hành động sai lầm là do quan niệm ấu trĩ trong sách lược; chưa có những tiền đề lịch sử để giải phóng cá nhân...).

Con người chủ yếu của giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám là người lao động bị áp bức, người bình dân, yêu nước, có tinh thần dân tộc.

Con người trong hai cuộc kháng chiến là con người Công-Nông-Binh và trí thức, là lực lượng và động lực của cách mạng dân tộc, dân chủ.

Trong giai đoạn xây dựng CNXH, có con người XHCN. Những khẩu hiệu chiến lược phát triển con người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra không chỉ có ý nghĩa thực tiễn, tính nhân văn mà còn mang ý nghĩa triết lý sâu sắc trong

* Viện sĩ, Tạp chí Văn hiến.

"chiến lược con người".

Từ năm 1986, nhất là từ Đại hội VI (1986), Đại hội VII (1991), vấn đề con người và chiến lược con người được đặt ra có hệ thống, tương đối hoàn chỉnh. Trong phần II, mục II, điểm 1: *Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới*, Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) có nêu 5 đức tính của con người Việt Nam: tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc; có ý thức tập thể, đoàn kết, lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; lao động chăm chỉ; thường xuyên học tập để nâng cao trí tuệ, mỹ. Đồng thời, Nghị quyết cũng nói đến những mặt yếu kém của con người, trước hết là ở nhận thức, tư tưởng, đạo đức và lối sống,...

Tuy nhiên, việc nghiên cứu con người từ trước tới nay chưa đồng bộ, liên ngành, biện chứng (phương pháp). Do đó, từ nay về sau cần toàn diện, đa dạng hơn (*sinh vật, xã hội, tâm lý, tâm linh, quá khứ và hiện tại, cá nhân và cộng đồng*).

2. Những đặc trưng song hành ở con người Việt Nam

2.1. Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước, do ảnh hưởng và chi phối của nhiều yếu tố: địa lý, khí hậu, lịch sử, chế độ chính trị, dân tộc, tâm sinh lý, phương thức sản xuất... con người Việt Nam có nhiều *tố chất tích cực* song hành với những hạn chế, có thể khái quát như sau¹:

¹ Khi khái quát những mặt tích cực và mặt phản diện trong tính cách Việt Nam, chúng tôi có tham khảo và đồng tình với một số ý kiến của nhà văn hóa GS. Đào Duy Anh trong cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương*. (Nxb. VHTT, 2000), phần IV: Người Việt Nam; và cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* của GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm, chương *Văn hóa cộng đồng, đời sống tập thể*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1996.

- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, thương người; nhưng cũng có óc tư hữu tiểu nông, thói ích kỷ, tâm lý đố kỵ, cào bằng.

- Tính tập thể, tính cộng đồng cao, nhấn mạnh ý thức đồng thuận; nhưng dễ rơi vào óc địa phương, gia đình chủ nghĩa, tư tưởng bè phái; coi thường ý thức cá nhân, thích dựa dẫm vào người khác.

- Có tinh thần cần cù, bình đẳng; nhưng lại nặng đầu óc gia trưởng.

- Tính cần cù, cường độ lao động lớn, sức chịu đựng dẻo dai nhưng thích khoe khoang, chuộng bề nổi, chạy theo tâm lý "con gà tức nhau tiếng gáy".

- Người Việt Nam thông minh, nhưng mới ở tính *cá nhân*, chưa đến độ *thông minh cộng đồng*²; người có trí tuệ lỗi lạc, phi thường rất hiếm. Thế nào là thông minh cộng đồng? Lấy trí tuệ tập thể của hãng Sam Sung (Hàn Quốc) làm ví dụ. Sam Sung đứng đầu bảng về sản xuất màn hình máy tính, lò vi ba, đứng thứ hai về sản xuất tivi màu màn hình phẳng, doanh số chừng 34 tỷ USD chỉ bằng một nửa doanh số Sony nhưng lãi cao gấp 6 lần. Song, năm 1997, Sam Sung suýt phá sản do khủng hoảng kinh tế châu Á. Trước nguy cơ đó, Ban lãnh đạo Sam Sung nghĩ ra hai cách ứng phó: sáng tạo mẫu mã thay vì sao chép, sao chép là tự sát; không hạ thấp giá thành sản phẩm mà còn nâng cao theo phương châm "tiền nào của ấy". Ở Sam Sung có số kỹ sư 17.000/75.000 công nhân là tỷ lệ vàng. Đó là 17.000 bộ óc sáng tạo, đối thủ đáng gờm của Panasonic, Sony, IBM. Hiện nay Sam Sung còn sản xuất cả tủ lạnh có thể truy cập Internet, tủ lạnh - tivi, màn hình màu của điện thoại di động...

² Chữ dùng của GS. Hoàng Tuy. Xem thêm bài *Đổi mới tư duy để vào kinh tế tri thức*, báo Văn nghệ số 15, ngày 14/4/2001.

- Não bộ người Việt Nam phát triển nhưng não sáng tạo ít hơn não thích ứng, thói quen bắt chước rất nhanh³. Giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học; giàu trực giác hơn lý luận (logic), thích văn chương phù hoa hơn khái niệm khoa học; ưa hư danh hơn thực học; não tưởng tượng thường bị não thực tiễn, tính vụ lợi kiểm soát.

2.2. Nguyên nhân nào dẫn đến những hệ quả, những tố chất nói trên?

Cha ông ta đã sáng tạo một nền văn hóa độc đáo vừa đủ sức đối kháng mãnh liệt trước sức cưỡng chế của văn hóa xâm lược, vừa đồng hóa phi thường cái hay cái đẹp của văn hóa đó vào nền văn hóa của mình. So với văn hóa phương Bắc thời bấy giờ quá rực rỡ, văn hóa ta phát triển ở trình độ thấp hơn, nên cũng chịu ảnh hưởng phản diện một phần như sau:

- Lấy nông nghiệp làm cơ sở, lấy nông dân làm lực lượng dựng nước, giữ nước. Tinh thần cốt lõi của văn hóa Việt là tư tưởng nông dân. Nó có ưu điểm là cường tráng, lành mạnh, ít bị nhiễm phải những tập tục suy đồi của lối sống tư sản, những nguy thuyết do các tôn giáo bên ngoài truyền bá, nhưng lại mang tâm lý tiểu nông, tầm nhìn khép kín, trọng nông khinh thương, "nhất nông, nhì sĩ,...

- Văn hóa quốc gia lấy *gia tộc* làm cơ sở xã hội, Nhà nước không biết cá nhân, không tôn trọng cá tính sáng tạo, cách tổ chức công nghệ thương mại không lọt ra ngoài phạm vi mỗi họ, mỗi làng, thậm chí dấu nghề.

- Lấy *tình - nghĩa* làm gốc xử thế còn luật pháp chỉ có hình luật chứ không có dân luật. Việc buôn bán, vay mượn chỉ

dựa vào lòng tin, không được pháp luật bảo vệ.

Có truyền thống hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình. Các cuộc chiến tranh xảy ra là do phải tự vệ, chứ không hiếu chiến và không có bản chất thượng võ. Truyền thống này là cơ sở cho chính sách ngoại giao "đa phương hóa", có nhiều cơ hội để "hội nhập" với thế giới.

- Có nhân sinh quan lưu truyền nòi giống, tôn trọng truyền thống sự nghiệp của cha ông, nhưng lại dễ rơi vào cực đoan khác là tư tưởng bảo thủ, tinh thần tôn cổ, nệ cổ.

3. Những tiềm năng và thách thức đối với con người Việt Nam trong tiến trình CNH - HĐH

3.1. Những tiềm năng

- Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo, được Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, lãnh đạo, một lòng một dạ chiến đấu, xây dựng vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

- Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Cơ sở vật chất kỹ thuật nền kinh tế được tăng cường.

- Tình hình chính trị - xã hội ổn định.

- Môi trường hòa bình, sự liên kết, hợp tác quốc tế tạo điều kiện để chúng ta hội nhập, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực.

3.2. Những thách thức

Nghị quyết Đại hội Đảng IX (2001) cũng nêu lên *bốn* nguy cơ mà đất nước, con người Việt Nam hiện đại phải đối mặt, được coi là những thách thức lớn:

- Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới;

- Chênh lệch xã hội chủ nghĩa;

- Nạn tham nhũng và tệ quan liêu;

- "Diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra.

Cho đến nay, nước ta vẫn là một

³ Theo tạp chí Cộng sản số 14/1998: số đơn đăng ký sáng kiến của công dân Nhật Bản trong một ngày bằng số đơn đăng ký sáng kiến của công dân Việt Nam trong 13 năm (1981-1993).

nước lạc hậu, nhất là về kinh tế. Việt Nam vẫn thuộc những nước nghèo. GDP bình quân đầu người chỉ bằng 1/14 Malaysia; 1/30 Hàn Quốc; 1/50 Singapore; 1/70 Koa Kỳ... Tại sao vậy?

Tán đồng ý kiến của nhiều nhà khoa học, chúng tôi cho rằng:

- Cơ chế quản lý còn nhiều mâu thuẫn, thiếu nhất quán. Trí tuệ cộng đồng chưa cao, tài năng bị ràng buộc bởi cơ chế, chất xám bị "chảy" ra nước ngoài, tài năng được đào tạo không được sử dụng ở cơ quan Nhà nước mà "chạy" vào các công ty tư nhân vì có thu nhập cao. Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông đóng vai trò "con rồng châu Á" không hoàn toàn là do họ thông minh hơn người Việt Nam mà chủ yếu là họ có luật lệ đồng bộ, nhất quán, có phương thức quản lý năng động. Quản lý vĩ mô là một khoa học và là một nghệ thuật. Ở bất cứ nước nào, trong quản lý vĩ mô thì *quản lý tài chính, ngân hàng, quản lý hành chính* đều là những bộ phận hệ trọng đối với nền kinh tế quốc dân, cần được cải tiến trước tiên. Trong quản lý xã hội, quản lý giáo dục, văn hóa, văn nghệ cần được đặc biệt coi trọng vì đó là những lĩnh vực "nhạy cảm" đối với hàng chục triệu người.

- Tham nhũng, quan liêu, lãng phí là ba căn bệnh trầm kha của cơ chế hiện hành. Nói trầm kha bởi chúng phát sinh, phát triển trong thời gian dài, chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt, và trong không gian rộng, ở mọi ban ngành, từ Trung ương tới xã, phường. Với chế độ phân phối vừa bao cấp, vừa cào bằng như hiện nay thì người cán bộ, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào cũng không thể sống bằng tiền lương bởi đồng lương chỉ sống được mười ngày. Cần có khẩu hiệu *phòng ngừa* tham nhũng như ở Singapore đó là: *không thể, không muốn, không dám,*

không cần tham nhũng. Muốn vậy trước hết Chính phủ phải liêm khiết. Trên thực tế, Chính phủ Singapore là một Nhà nước liêm khiết nhất thế giới.

- Trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức mà năng suất lao động quá thấp, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng nổi nhu cầu ngay cả trong nước, thì nói gì đến chuyện cạnh tranh với nước ngoài (!?). Có nhiều giải pháp cấp bách và lâu dài để khoả lấp khoảng cách hẫng hụt này, nhưng có một ý tưởng được Thủ tướng Chính phủ nêu ra trong lần gặp gỡ các doanh nghiệp trẻ là "Trí tuệ Việt Nam": "Doanh nghiệp trẻ là những người luôn luôn đổi mới, sáng tạo, nghĩ những điều chưa ai nghĩ, làm những việc chưa có tiền lệ vượt ra khỏi lối mòn tư duy, phải có tinh thần vươn ra thế giới tiếp cận những đỉnh cao trí tuệ của thế giới".⁴

- Chưa chịu khó học tập những thành tựu về quản lý kinh tế, quản lý văn hóa và các hình thức xã hội hóa hoạt động kinh tế-văn hóa của các nước, đặc biệt là các nước phát triển. Quản lý là một khoa học, Lênin nhắc : muốn quản lý tốt mà chỉ thuyết phục thôi chưa đủ, cần phải biết tổ chức về mặt thực tiễn. Thực trạng ở nước ta, ai cũng có thể quản lý được, đó là một tình trạng vô trách nhiệm. Muốn quản lý là phải học; quản lý một gia đình đã khó, ở đây đòi hỏi các bậc làm cha làm mẹ không chỉ dùng "đức trị", mà còn phải có tri thức - giáo dục, tâm lý giáo dục,... hướng hồ là người quản lý Nhà nước! Trong xã hội nông nghiệp, quản lý đồng nghĩa với cai trị, chỉ có quan hệ *trên - dưới*. Trong xã hội tin học, quản lý không chỉ là công việc của người lãnh đạo, mà quan trọng hơn là tri thức chuyên sâu, là sự phối hợp điều hành giữa nhiều đối tác, điều hành theo dự án, cần tránh quản lý "kinh nghiệm

⁴ Báo Nhân dân số 17754, ngày 9/3/2004.

chủ nghĩa"⁵.

- Trong lĩnh vực văn hóa, khoa học xã hội và nhân văn chưa tận dụng được lợi thế của các giá trị văn hoá và vốn giàu có của kho tàng di sản văn hóa dân tộc trong mấy nghìn năm. Đã thế, có một số người do không biết "trời cao đất dày" là gì lại đi chê bai, coi thường những giá trị cổ truyền và truyền thống "vốn cũ quý báu của dân tộc" (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh), thuần phong mỹ tục của cha ông. Đó chính là "đêm hôm trước" của tình trạng lai căng, vọng ngoại, sùng ngoại, mặc dầu họ cũng không biết rõ lắm về các thứ mà họ sùng bái mù quáng.

4. Những kiến nghị

- Người Việt Nam, dù ở bất cứ nơi nào trong nước hay ở nước ngoài, ở thời điểm lịch sử nào phần lớn là những người yêu nước, thương nòi, ý thức tự cường dân tộc rất cao, nhưng những yếu tố phản diện ở con người Việt Nam cũng cần được nghiên cứu sâu sắc, đồng bộ, bởi những yếu tố phản diện nói trên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp mà thậm chí ăn sâu vào tính cách dân tộc Việt Nam. Chúng ta không sợ nói ra mặt tiêu cực trong tính cách Việt Nam thì kẻ địch sẽ xuyên tạc, hoặc méch lòng ai đó. Trái lại, ý thức rõ được những điều đó sâu sắc sẽ là cơ hội để phát triển những thành tố tích cực, để hoàn thiện con người mới Việt Nam. Tính cách dân tộc là cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, cái tiên tiến và cái lạc hậu. Dân tộc ta trong tiến trình lịch sử, nhất là từ Cách mạng tháng Tám trở đi đã rèn luyện được những tính tiến bộ, nhân đạo hơn trong bộ

mặt tinh thần của mình. Mác và Ăngghen đã hơn một lần viết về mặt phản diện của tính cách dân tộc Đức. Lênin nói đến "thói Ôblômốp" là điển hình của cuộc sống Nga tồn tại cho đến chế độ Xô Viết. Thói xấu này không chỉ ở nông dân mà còn ở trí thức, ở công nhân và cả ở những người cộng sản. Trong văn hoá Trung Quốc, Việt Nam đều có những mẫu người tiêu biểu cho tính cách phản diện Trung Hoa như AQ trong truyện của Lỗ Tấn, cho tính cách phản diện Việt Nam như Chí Phèo trong chuyện của Nam Cao.

- Con người tồn tại trong nhiều mối quan hệ. Trước đây, chúng ta nghiên cứu con người trong thế biệt lập: *Con người xã hội* (giai cấp, thành phần xã hội, học vấn) còn *Con người sinh học* (thể lực, chiều cao, trọng lượng, dục vọng, sinh lý); *Con người tâm lý* (vô thức, tiềm thức, hoài bão); *Con người tâm linh* (niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng,...) chưa được nghiên cứu một cách có sức thuyết phục. Đề nghị tiếp tục khảo sát trên quy mô rộng và có chiều sâu.

- Nói phát triển là nói kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm; trong đó vai trò của khoa học và công nghệ là khâu then chốt. Vì vậy *cơ chế quản lý* trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục cần được đổi mới hơn nữa, sáng tạo hơn, mà trước hết là phải có chính sách đào tạo, đánh giá, sử dụng, ưu đãi người tài. Người xưa nói: việc trị nước đều phải lấy việc dùng người làm gốc. Khi có nhiều người tài được một cơ chế quản lý *thoáng, mở* bảo đảm, thì không sợ sự tụt hậu. Có người tài nắm vững tri thức khoa học cơ bản, sử dụng kỹ năng, kỹ xảo công nghệ mới của thế giới, chúng ta tránh được tình trạng chuyển giao công nghệ ở giai đoạn cuối ở các nước vào nước ta như hiện tượng nhiều máy tính cá nhân lạc hậu do các nước thải ra tuồn vào nước ta là một ví dụ ♦

⁵ Trong bài "Vấn đề dùng người", GS.VS Nguyễn Cảnh Toàn, sau khi phê phán, lối quản lý kinh nghiệm chủ nghĩa theo cách "thử, sai, sửa", có nêu một thành tựu của khoa học quản lý hiện đại là dùng phương pháp não công (brainstorming) để kích thích óc sáng tạo, theo báo *Sức khoẻ và Đời sống* số 21/2004.